

Bản án số: **196/2024/LH-ST**

Ngày 17/7/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Đức Thọ**

Bà **Nguyễn Thị Thúy**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái An** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Phương Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 131/2024/QĐ - XXST ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2024/QĐST-HPT ngày 20/6/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Trần Thu H**, sinh năm 1968

HKTT: Số 12A Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi ở: 1xx A Street, Nt, Massachusetts, 01760 USA

(Vắng mặt tại phiên tòa)

Đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản, tài liệu tố tụng:

Bà **Trần Thuý V**, sinh năm 1973

Bà **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 2001

Địa chỉ: Số 11, đường T 1, phường M, quận N, thành phố Hà Nội

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Viết C**, sinh năm 1965.

HKTT: Số 127 Triệu Việt V, phường B, quận H, thành phố Hà Nội

Địa chỉ nơi ở: Căn hộ 2201 Chung cư CTxx V, đường N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, bà Nguyễn Trần Thu H trình bày:**

Bà Nguyễn Trần Thu H và ông Nguyễn Viết C là vợ chồng, đã đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận H, thành phố Hà Nội vào ngày 14/02/1997, việc lấy nhau là tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng đã có với nhau 2 người con, lần lượt là:

1, Nguyễn Hồng L, sinh ngày: 25/12/1997

2, Nguyễn Quang H, sinh ngày: 01/05/2001

Liên quan đến cuộc sống chung vợ chồng, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và yêu thương nhau. Trước năm 2013, hai vợ chồng Bà H và con cái cùng sinh sống và làm việc Cộng hòa Séc. Trong thời gian sống tại Cộng hòa Séc, Bà H và ông C có rất nhiều lần bất đồng về quan điểm, lối sống cũng như cách nuôi dạy con cái. Cả hai bên đã rất cố gắng hòa giải, lắng nghe nhiều lời khuyên bảo từ con cái, gia đình hai bên nhưng vẫn không hòa hợp được.

Năm 2013, ông C trở về Việt Nam sinh sống còn Bà H chuyển qua Mỹ sinh sống cùng với hai con, vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đó. Trong suốt quãng thời gian sống ly thân, ông C không hề chu cấp, cấp dưỡng theo đúng nghĩa vụ nuôi dưỡng con cái của mình. Bà H đã phải cố gắng làm việc để có thể trang trải cuộc sống và chăm lo việc sinh hoạt, học tập của 2 con tại Mỹ. Điều này dẫn đến khoảng cách giữa hai vợ chồng càng ngày càng lớn, tình cảm giữa vợ chồng gần như không còn. Hiện nay, cuộc sống hôn nhân của hai người không thể hạnh phúc, mỗi người sống một nơi và không hề quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như con cái, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ các quy định tại các Điều 56, Điều 81, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Bà H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết các nội dung sau:

1, Về quan hệ hôn nhân: Bà H kính đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Việt C.

2, Về tài sản chung: Bà H và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án phân chia.

3, Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Hiện nay, do các con chung đã đủ tuổi trưởng thành và tự lập nên Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4, Về nợ chung: Bà H xác nhận vợ chồng không có nợ chung. Do đó, không đề nghị quý Tòa giải quyết.

*** Ông Nguyễn Việt C trình bày:**

Về tình cảm: Ông C và bà Nguyễn Trần Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 14/2/1997 tại UBND phường B, quận H, Hà Nội (Đăng ký kết hôn số 18, quyển số 10). Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, lối sống, cách nuôi dạy con cái. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn nhưng không được, ông C và Bà H đã ly thân từ năm 2013 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay Bà H xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn vì vợ chồng tôi còn rất nhiều vấn đề về tình cảm, kinh tế, con cái chưa thỏa thuận được với nhau.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Hồng L (Giới tính: Nam, sinh ngày 25/12/1997) và Nguyễn Quang H (Giới tính: Nam, sinh ngày 01/5/2001). Hiện các con chung đã trưởng thành và tự lập, có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C tự thỏa thuận với Bà H và không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp có yêu cầu thì ông sẽ làm đơn khởi kiện sau.

* Quá trình giải quyết vụ án, Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn như đã nêu ở trên, ông C sau khi đến Tòa án cung cấp lời khai đã vắng mặt không có lý do tại

các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

- Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội cho rằng mục đích hôn nhân của Bà H và ông C không đạt được, khả năng đoàn tụ không còn. Do vậy, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho Bà H được ly hôn với ông C. Về con chung, 02 con chung đã trưởng thành, tự lập và có cuộc sống riêng nên không xem xét. Về tài sản chung, Bà H và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về quan hệ Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nguyên đơn là bà Nguyễn Trần Thu H có địa chỉ nơi ở tại 1xx A Street, Nt, Massachusetts, 01760 USA. Bị đơn là ông Nguyễn Viết C có địa chỉ nơi ở tại Căn hộ 2xxx chung cư CT3 V, đường N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông Nguyễn Viết C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Bà H và ông C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

[2.1]. **Về tình cảm:** Ông Nguyễn Viết C và chị Nguyễn Trần Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 14/2/1997 tại UBND phường B, quận H, Hà Nội (Đăng ký kết hôn số 18, quyển số 10). Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, lối sống, cách nuôi dạy con cái. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả, ông C và Bà H đã ly thân từ năm 2013 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, ông C xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay và không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn vì còn nhiều vấn đề về tình cảm, kinh tế, con cái chưa thỏa thuận được với nhau

Hội đồng xét xử nhận định: Lý do ông C không đồng ý ly hôn là vì chưa thống nhất được về tình cảm, kinh tế, con cái không phải là căn cứ, lý do mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Về vấn đề tình cảm, ông C cũng đã xác nhận mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, đã ly thân nhiều năm nay do bất đồng quan điểm sống. Về vấn đề con chung thì cả 02 con đều đã trưởng thành, có cuộc sống độc lập nên trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc không phải giải quyết khi ly hôn. Về vấn đề tài sản chung, ông C cũng xác nhận vợ chồng tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án xem xét khi giải quyết đơn ly hôn của Bà H. Chính vì vậy, đây không phải là căn cứ để không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà H và ông C đã đến mức trầm trọng do thời gian ly thân quá lâu, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm đến cuộc sống của nhau, do vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà H đối với ông C.

[2.2]. **Về con chung:** Bà H và ông C có 02 con chung là Nguyễn Hồng L (Giới tính: Nam, sinh ngày 25/12/1997) và Nguyễn Quang H (Giới tính: Nam, sinh ngày 01/5/2001). Do các con đã trưởng thành, có cuộc sống độc lập, Bà H và ông C cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3]. **Về tài sản chung:** Bà H và ông C cùng trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. **Về án phí:** Bà Nguyễn Trần Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án thì Bà H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Bà H và ông C có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, 54, 56 và 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 38, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238; Điều 228, khoản 1 Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 476, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Trần Thu H đối với ông Nguyễn Viên Chiến. Bà Nguyễn Trần Thu H được ly hôn ông Nguyễn Viên Chiến.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Trần Thu H và ông Nguyễn Viết C có 02 con chung là Nguyễn Hồng L (sinh ngày 25/12/1997) và Nguyễn Quang H (sinh ngày 01/5/2001). Do các con chung đã trưởng thành và đã có cuộc sống tự lập, Bà H và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Trần Thu H và ông Nguyễn Viết C không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Trần Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0001626 ngày 14/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Trần Thu H và ông Nguyễn Viết C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- VKSND Tp Hà Nội;
- Cục Thi hành án dân sự Tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Lam

*** Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Lam

